

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 72/2019/HNGĐ-ST

Ngày 08-10-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Kim Nương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Thái Văn Lộc.

Ông Hoàng Đình Ngân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hoài Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1983 (Có mặt);

Cư trú tại: Tổ A, ấp Xóm R, xã Trí B, huyện C T, tỉnh Tây Ninh.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 (Có mặt);

Cư trú tại: Tổ A, ấp Xóm R, xã Trí B, huyện C T, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI D VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2019 lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2008 tại UBND xã Trí B, huyện Châu

Thành, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống mâu thuẫn, tính cách có nhiều sự trái ngược nhau, anh T không có công ăn việc làm ổn định nhưng thường xuyên uống rượu về nhà kiếm chuyện chửi mắng chị. Vợ chồng chị ở chung nhà với mẹ ruột chị nên chị cũng đã cố gắng nhẫn nhịn cho qua, nhưng càng ngày anh T càng lấn tới, cứ đi uống rượu từ sáng đến khoảng 10 giờ tối mới về nhà rồi kiếm chuyện chửi mắng xúc phạm chị, mẹ ruột chị có can ngăn thì anh T chửi luôn mẹ chị, sự việc xảy ra rất nhiều lần. Chị và anh T ly thân đến nay khoảng 1 năm 5 tháng. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng rất trầm trọng, tình cảm đã thực sự không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 07/02/2010 và Nguyễn Thị Tâm N, sinh ngày 04/7/2012. Từ ngày vợ chồng ly thân, hai con chung sống chung nhà với chị, một mình chị làm nuôi hai con, anh T không đưa tiền cho chị nuôi con. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày tại tòa.

Anh và chị Nguyễn Thị D chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2008 tại UBND xã Trí B, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh đi làm hồ nên vào những ngày thứ 7 cuối tuần anh đi uống rượu về nên vợ chồng cãi nhau. Anh đi làm có đem tiền về đưa cho chị D nuôi con, nhưng chị D không nhận. Anh hoàn toàn không có chửi và xúc phạm chị D và mẹ chị. Vợ chồng anh đã ly thân đến nay khoảng 01 năm 5 tháng. Nay ra tòa chị D yêu cầu được ly hôn với anh, thì anh không đồng ý ly hôn với chị D vì anh còn thương vợ con.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 07/02/2010 và Nguyễn Thị Tâm N, sinh ngày 04/7/2012. Anh đồng ý giao 02 con chung cho chị D được tiếp tục tiếp tục trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh không cấp dưỡng nuôi con, vì chị D không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội D: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận cho chị D và anh T được ly hôn. Về con chung: Ghi nhận anh Nguyễn Văn T đồng ý giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T1 và Nguyễn Thị Tâm N cho chị D nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Ghi nhận tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau năm năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2008 tại UBND xã Trí B, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[2]. Về mâu thuẫn của vợ chồng: Xét thấy quá trình sống chung, chị D và anh T bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Anh T thường xuyên đi uống rượu về kiếm chuyện đánh đập chị D, ngoài ra anh T còn chửi mẹ chị D bằng những lời nói xúc phạm rất nặng nề, anh đi làm kiếm tiền không đưa cho chị D nuôi con. Do đó, vợ chồng anh chị đã ly thân cho đến nay khoảng 01 năm 5 tháng, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể hòa giải mâu thuẫn, nay ra tòa chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc. Đến tại phiên tòa anh T trình bày mâu thuẫn của vợ chồng là bình thường, chưa đến mức trầm trọng, đời sống

chung có thể kéo dài, anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Lời trình bày của anh T là không có căn cứ chấp nhận.

[3]. Quá trình thu thập chứng cứ có xác minh ý kiến của những người biết việc, xác định mâu thuẫn như chị D trình bày là đúng. Điều này vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặc khác anh chị đã ly thân cho đến ngày xét xử sơ thẩm đã 01 năm 5 tháng. Từ những phân tích trên xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị là phù hợp Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Vợ chồng chị D, anh T có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 07/02/2010; Nguyễn Thị Tâm N, sinh ngày 04/7/2012. Ghi nhận anh T đồng ý giao hai con chung cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T1, Nguyễn Thị Tâm N cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là phù hợp khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung: Chị D, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Chị D, anh T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7]. Về án phí: Do chị Nguyễn Thị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D đối với anh Nguyễn Văn T. Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh ngày 07/02/2010; Nguyễn Thị Tâm N, sinh ngày 04/7/2012, cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Chị D, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết;

4. Về nợ chung: Không có, nên không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0019693 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Thị Kim Nương**